

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 240/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 21/6/2019

V/v “Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ**

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Bảo

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Thanh Bình;

Ông Phan Phước Tân

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vũ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trà Mi – Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 6 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 90/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2019 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 255/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn B (Tiền), sinh năm: 1977; Địa chỉ: Tổ 11, ấp BBT, xã QT, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn:* Bà Lê Thị Kim Đ, sinh năm: 1973; Địa chỉ: Tổ 11, ấp BBT, xã QT, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

(Ông B có mặt, bà Đ vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/02/2019 cùng với các tài liệu, chứng cứ kèm theo và quá trình tố tụng tại Tòa án, ông B trình bày: Hôn nhân của ông với bà Đ

xác lập trên sự tự nguyện năm 1996 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã QT vào ngày 28/10/2003. Sau khi kết hôn cả hai sống bên nhà cha mẹ ông B khoảng 01-02 năm thì ra riêng. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2015 phát sinh mâu thuẫn do tính tình không còn phù hợp, bất đồng quan điểm sống. Nay yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Văn N, sinh ngày 18 tháng 3 năm 1997, hiện nay đang sống với bà Đ, khi ly hôn do con đã thành niên nên không yêu cầu xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các thông báo thụ lý, hòa giải cũng như thông báo về việc tiếp cận, công khai chứng cứ cho bà Đ theo quy định nhưng bà vắng mặt.

Tòa án đã thực hiện thủ tục thu thập chứng cứ là xác minh tình trạng mâu thuẫn trong đời sống hôn nhân của ông B, bà Đ tại địa phương, kết quả thể hiện: Trong quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc nhưng gần đây hai bên thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do nợ nần trong gia đình, sau đó bà Đ bỏ nhà đi Bình Dương làm thuê.

Tại biên bản xác minh ngày 16/5/2019 được Công an xã QT cho biết hiện bà Đ vẫn còn đăng ký thường trú tại địa phương theo tàng thư Công an đang lưu giữ.

Tại phiên tòa ông B vẫn bảo lưu ý kiến như đã trình bày tại đơn khởi kiện, biên bản hoà giải. Bà Đ vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát thực hành quyền kiểm tra, giám sát việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa phát biểu: Về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong quá trình tố tụng, xác minh thu thập chứng cứ, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng...là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Đối với thành phần Hội đồng xét xử, thư ký không có thành viên nào thuộc đối tượng phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa cũng như thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Căn cứ vào các chứng cứ trong hồ sơ vụ án và quá trình hỏi đáp tại phiên tòa cho thấy hôn nhân của ông B và bà Đ có mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không thể kéo dài nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông B theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Văn N, sinh ngày 18/3/1997 hiện đang sống với bà Đ. Xét thấy con chung đã trên 18 tuổi nên không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Do ông B không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Trường hợp sau này ông và bà Đ có yêu cầu sẽ được giải quyết trong một vụ án khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông B khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Đ. Bà Đ có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Phú. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình về ly hôn và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Phú.

Về sự vắng mặt của đương sự: Bà Đ được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà theo Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa ông B và bà Đ có đăng ký kết hôn theo quy định nên làm phát sinh giá trị pháp lý theo Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét yêu cầu của ông B thì thấy: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập được cho thấy trong đời sống hôn nhân của hai người thường phát sinh mâu thuẫn, thời gian không còn chung sống giữa hai bên đã lâu và cả hai cũng không có thiện chí hàn gắn lại tình cảm gia đình.

Tại phiên tòa ông B không thay đổi yêu cầu khởi kiện, không đồng ý đoàn tụ. Do vậy có căn cứ cho thấy mục đích hôn nhân giữa ông và bà Đ không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng nên yêu cầu ly hôn của ông B là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Có một con chung tên Nguyễn Văn N đã trưởng thành. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về con chung cũng như nghĩa vụ cấp dưỡng.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Do ông B không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Trường hợp sau này ông B, bà Đ có yêu cầu sẽ giải quyết trong một vụ án khác.

[5] Về án phí: Ông B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 9, Điều 56, của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Về hôn nhân: Ông Nguyễn Văn B được ly hôn bà Lê Thị Kim Đ.

Về con chung: Không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Ông Nguyễn Văn B phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà ông đã nộp theo biên lai thu số 0011153 ngày 06 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú (ông B đã nộp đủ).

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc vắng mặt khi tuyên án, thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 281 ngày 28/10/2003 thuộc quyền số II của Ủy ban nhân dân xã QT không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh AG (1);
- VKS tỉnh AG (1);
- VKS huyện AP (2);
- THADS huyện AP (1);
- UBND xã QT (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu HS, VP (2);

Nguyễn Quang Bảo

